



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng tìm việc làm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000340	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	06					
2	000341	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	06					
3	000342	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	06					HP
4	000343	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	06					
5	000344	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	06					HP
6	000345	1101020262	Hoàng Minh	Thảo	27/09/2005	KD11A	06					HP,ĐK
7	000346	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	06					
8	000347	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	06					
9	000348	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	06					
10	000349	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	06					
11	000350	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	06					
12	000351	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	06					
13	000352	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	06					
14	000353	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	06					
15	000354	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	06					HP
16	000355	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	06					
17	000356	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	06					
18	000357	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	06					
19	000358	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	06					
20	000359	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	06					HP
21	000360	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	06					HP
22	000361	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	07					
23	000362	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	07					
24	000363	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	07					
25	000364	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	07					HP
26	000365	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	07					
27	000366	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	07					HP

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000367	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	07					
29	000368	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	07					
30	000369	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	07					HP
31	000370	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	07					
32	000371	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	07					
33	000372	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	07					HP
34	000373	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	07					
35	000374	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	07					
36	000375	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	07					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Ngày tháng Năm

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....